

Số: 267 /QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành khung chương trình đào tạo (sửa đổi, bổ sung) trình độ thạc sĩ
ngành Giáo dục học (Giáo dục tiểu học)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp, nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng Trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng thẩm định ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc thẩm định Bản mô tả Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục tiểu học);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học và Trưởng chuyên ngành ngành Giáo dục học (Giáo dục tiểu học).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành khung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (sửa đổi, bổ sung) ngành Giáo dục học (Giáo dục tiểu học), mã số: 8220102 (kèm theo Khung chương trình đào tạo).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng trong đào tạo ngành Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Trường phòng Đào tạo Sau đại học, Trường chuyên ngành Giáo dục học, các Trường đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HT và các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống





**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH: GIÁO DỤC HỌC (GIÁO DỤC TIỂU HỌC)**

MÃ SỐ: 8140101

*(Kèm theo Quyết định số 263/QĐ-ĐHĐT ngày 20 tháng 01 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

1. Loại chương trình đào tạo: định hướng ứng dụng

2. Thời gian đào tạo: 02 năm (24 tháng)

3. Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

4. Nội dung chương trình đào tạo

4.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: 10 tín chỉ (Bắt buộc: 10 tín chỉ; Tự chọn: 00 tín chỉ)
- Kiến thức cơ sở ngành: 14 tín chỉ (Bắt buộc: 09 tín chỉ; Tự chọn: 05 tín chỉ)
- Kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ (Bắt buộc: 12 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)
- Luận văn tốt nghiệp/ Đề án tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp: 09 tín chỉ

4.2. Khung chương trình đào tạo chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Tiến độ
				LT	ThH	TH	
I. Kiến thức chung			10				
1	GPS.801	Triết học	4	60	00	120	1
2	GEP.801	Tiếng Anh	6	60	60	180	1
II. Kiến thức cơ sở ngành			14				
1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			9				
1	MPE.801	Cơ sở ngôn ngữ học trong dạy học tiếng Việt ở tiểu học	3	30	15	105	1
2	MPE.802	Cơ sở logic trong môn Toán tiểu học	3	30	15	105	1
3	MPE.803	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục tiểu học	3	30	15	105	2
2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			5				
2.1. Nhóm 1: Chọn 01 học phần 3 tín chỉ			3				

1	MPE.804	Phát triển trí tuệ học sinh tiểu học	3	30	15	105	2
2	MPE.805	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	3	30	15	105	2
3	MPE.806	Phát triển chương trình và tài liệu dạy học	3	30	15	105	2
2.2	Nhóm 2: Chọn 01 học phần 2 tín chỉ		2				
1	MPE.807	Dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học	2	30	00	70	2
2	MPE.808	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	2	30	00	70	2
3	MPE.809	Ứng dụng thuyết tâm lý học trong dạy học tiểu học	2	30	00	70	2
III. Kiến thức chuyên ngành			21				
<i>1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>			06				
1	MPE.810	Phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh tiểu học	3	30	15	105	2
2	MPE.811	Phát triển năng lực cho học sinh trong dạy học toán ở tiểu học	3	30	15	105	2
<i>2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn 05 học phần: 03 Tiếng Việt, 02 Toán; hoặc 2 Tiếng việt, 02 Toán, 01 tự nhiên và xã hội)</i>			15				
1	MPE.812	Dạy học văn bản ở tiểu học	3	30	15	105	3
2	MPE.813	Phát triển năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	3	30	15	105	3
3	MPE.814	Giáo dục văn hoá thông qua dạy học văn ở tiểu học	3	30	15	105	3
4	MPE.815	Phát triển năng lực tiếp nhận và tạo lập văn bản cho học sinh tiểu học	3	30	15	105	3
5	MPE.816	Dạy học từ Hán – Việt cho học sinh tiểu học	3	30	15	105	3
6	MPE.817	Dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp	3	30	15	105	3
7	MPE.818	Phát triển tư duy cho học sinh qua dạy học toán ở tiểu học	3	30	15	105	3
8	MPE.819	Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học toán ở tiểu học	3	30	15	105	3
9	MPE.820	Giáo dục toán học ở tiểu học gắn với thực tiễn	3	30	15	105	3



10	MPE.821	Vận dụng PPDH tích cực trong dạy học toán tiểu học	3	30	15	105	3
11	MPE.822	Dạy học toán ở tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm	3	30	15	105	3
12	MPE.825	Dạy học tích hợp trong lĩnh vực tự nhiên và xã hội	3	30	15	105	3
3. Thực tập nghề nghiệp							
13	MPE.823	Thực tập 1 (Thực tập chuyên môn giáo dục tiểu học)	3	00	90	60	4
14	MPE.824	Thực tập 2 (Nghiên cứu thực tế)	3	00	90	60	4
IV. Luận văn/Đề án/Đồ án tốt nghiệp							
15	MPE.800	Luận văn/Đề án/Đồ án tốt nghiệp	9	00	270	180	4
Tổng số tín chỉ tích lũy			60				

